

Ngày 22 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Các hội thẩm nhân dân:

- 1.Ông: Dương Viết Vĩnh;

Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thi Bích Thảo - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 105/2017/HSST ngày 24 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Dương Quang N, sinh ngày: 06/6/1982;

Nơi ĐKHKT và chỗ ở: Xóm C, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 09/12;

Con ông: Dương Văn L, sinh năm 1950 và bà: Dương Thị H, sinh N 1950. Gia đình có 05 anh em bi cáo là con thứ năm.

Có vợ: Nguyễn Thị G, sinh N: 1983 (Đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2006.

Tiền sự: Có 1 tiền sự - Ngày 29/12/2011 bị CA thành phố Thái Nguyên xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản .

Tiền án: Có 02 tiền án:

+ Tại Bản án số 15/2012/HSST ngày 27/12/2012 của TAND huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam xử phạt 18 tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

+ Tại Bản án số 97/2015/HSPT, ngày 31/3/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2017 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại: Chị Đồng Thị L, sinh ngày: 03/6/ 1992;
Nơi thường trú: Xóm C, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1972;

- Chị Hoàng Thị L, sinh năm: 1978;

- Chị Vũ Thị M, sinh năm: 1985;

Cùng trú tại: Xóm C, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Anh Dương Đình N1, sinh năm: 1979;

Trú tại: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Anh Nguyễn Văn Công, sinh năm: 1990;

- Anh Hà Trọng L, sinh N: 1990;

Cùng trú tại: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1985;

Trú tại: Xóm T, xã T, TP. S, tỉnh Thái Nguyên.

(Bà T có mặt, chị L, chị M vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N1, anh C, anh L và anh T đều mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY:

Bị cáo Dương Quang N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 28/5/2017, bị cáo Dương Quang N đi bộ một mình sang nhà chị Hoàng Thị L, là người ở cùng xóm với N hỏi mượn xe nhưng không được nên N đi về. Khi đi qua cổng nhà chị Nguyễn Thị T (ở cạnh nhà chị L). N phát hiện thấy trong sân nhà chị T có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS màu đỏ đen BKS: 20P1- 3053 đang dựng gần gốc cây sấu (Sau xác định là xe của chị Đồng Thị L, sinh N 1992 là con dâu của chị T). Quan sát xung quanh không thấy có ai, N tiến lại gần chỗ dựng xe thì nhìn thấy chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy trên để bán lấy tiền tiêu sài. Sau đó N dùng hai tay dắt chiếc xe ra khỏi cổng nhà chị T. Đúng lúc đó chị L đứng ở bên sân nhà nhìn thấy N dắt xe nên nói “N ơi sao mày lấy xe của TL”. N không trả lời mà ngồi lên xe bật chìa khóa điện nổ máy phóng đi. Nghe thấy tiếng xe máy nổ chị T từ trong nhà chạy ra nhìn thấy N đang ngồi trên xe máy của chị L điều khiển xe đi về phía làng N, xã B nên chị T gọi cho chị Vũ Thị M là em dâu của mình lấy xe máy

nhà chị M cùng đuổi theo N, khi đuổi lên đến ngã tư xã Đ, huyện P thì xe của chị M hết xăng nên không tiếp tục đuổi theo N được. Sau đó chị M và chị T đi về nhà rồi làm đơn trình báo Công an đề nghị giải quyết.

Sau khi lấy được xe N điều khiển xe đi đến nhà Dương Đình N1, trú quán xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Thì gặp N1 đang ở nhà, N nói đây là xe của chị gái N rồi nhờ N1 thay biển số xe và mang đi cầm cố hộ. N1 đồng ý tháo chiếc biển kiểm soát 20P1- 3053 của xe cắt đi rồi lấy một chiếc biển kiểm soát cũ của xe máy khác lắp vào (N không nhớ số cụ thể là những số nào). Lắp xong N1 gọi điện cho Hà Trọng L, trú quán xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên nhờ tìm người cầm hộ xe cho N. Lê đồng ý rồi gọi điện cho Nguyễn Văn C là người cùng xóm với L đi đến nhà N xem xe. Đến nơi C trao đổi và nhất trí với N1 nhận cầm cố chiếc xe mô tô trên với giá 2.800.000 đồng trong thời hạn từ ba đến năm ngày. Khi cầm cố cả hai bên không viết giấy tờ và cũng không thỏa thuận với nhau về tiền lãi. C không biết nguồn gốc chiếc xe trên là do N trộm cắp mà có nên sau khi giao tiền cho N, C đã đi xe về gửi ở nhà L. Còn N cầm tiền của Công đưa cho N. Sau khi nhận tiền N đưa cho N1 1.500.000 đồng do có vay nợ trước đó, còn N giữ lại 1.300.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên N và N1 đều đã tiêu sài cá nhân hết. Do quá thời hạn không thấy N1 đến chuộc lại xe C gọi điện cho N1 thì được biết N1 không chuộc lại nữa. Thấy N1 nói vậy C đến nhờ L tìm người bán lại chiếc xe trên để lấy lại tiền. L đồng ý rồi gọi điện cho Nguyễn Văn T, trú quán xóm T, xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên để hỏi bán xe, L nói với T là xe của ông anh bị mất giấy tờ đăng ký từ lâu, giờ không đi nữa nên muốn bán. T đã đồng ý sang nhà L xem xe và đồng ý mua lại chiếc xe đó với giá 3.800.000đ. L nhận tiền và đưa cho C 3.500.000đ còn L giữ lại 300.000 đồng. Mua xong T đi chiếc xe trên về nhà đến ngày 01/6/2017 thì bán cho người đàn ông khoảng 40 tuổi không quen biết với giá 4.100.000 đồng.

Ngày 31/5/2017, cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Bình đã ra quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô BKS: 20P1- 3053 do N đã trộm cắp. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 97/KL-ĐG ngày 01/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P có kết luận chiếc xe mô tô trên có giá trị 7.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án là chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu đỏ đen, hiện chưa thu hồi được chị Đồng Thị L là chủ sở hữu chiếc xe trên có yêu cầu bồi thường 7.000.000 đồng. Đối với chiếc BKS: 20P1-3053 của xe, cơ quan CSĐT đã thu hồi đã được trả lại cho chị L là chủ sở hữu quản lý.

Tại bản cáo trạng số 105/KSĐT ngày 23/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Dương Quang N về tội: "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị với Hội đồng xét xử như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Dương Quang N phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 của BLHS, xử phạt bị cáo Dương Quang N từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của BLHS và Điều 584, 589 của BLDS, buộc bị cáo Dương Quang N phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Đồng Thị L số tiền 7.000.000 đồng.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí một khoản án phí HSST và DSST sung quỹ Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

Bị cáo Dương Quang N không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người bị hại chị Đồng Thị L có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho chị số tiền 7.000.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Dương Quang N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả. Bị cáo đều xác định VKSND huyện P truy tố bị cáo về tội danh: Trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội, không oan.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, tự nguyện phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc, đơn trình báo, bản kết luận định giá tài sản, lời khai của người bị hại, lời khai của những người làm chứng trong vụ án và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Như vậy, đã có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử xác định:

Bị cáo Dương Quang N là đối tượng nghiện chất ma túy, nên bị cáo đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền để mua ma túy và tiêu sài cá nhân đó. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 28/5/2017 tại nhà chị Nguyễn Thị T thuộc xóm C, xã B, huyện P lợi dụng sự sơ hở của chủ quản lý sở hữu tài sản bị cáo N đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, Sirius BKS 20P1-3053 của chị Đồng Thị L (là con dâu chị T) có giá trị 7.000.000 đồng. Sau đó bị cáo

đã mang chiếc xe mô tô nói trên nhờ Dương Đình N1 cầm cố cho Nguyễn Văn C lấy 2.800.000 đồng. Số tiền này bị cáo đã trả nợ cho N1 và mua ma túy và tiêu sài hết.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đủ độ tuổi và năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình truy tố bị cáo về Tội danh và Điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng quy định của Pháp luật.

Nội dung Điều 138 Bộ luật hình sự quy định như sau:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới N mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được Pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 31/3/2015 bị cáo Dương Quang N bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại Điều 64, 67 của BLHS bị cáo chưa được xóa án tích. Do đó, bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS.

Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS.

Về nhân thân, thấy bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, bản thân đã bị xử phạt tù nhiều lần về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm, tu dưỡng rèn luyện bản thân mà tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Điều đó thể hiện bị cáo là người có nhân thân rất xấu và coi thường Pháp luật. Vì vậy dù có giảm nhẹ phần nào về hình phạt nhưng cũng cần nên một mức án nghiêm khắc và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian cần thiết để có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, BKS 20P1- 3053 của chị Đồng Thị L, hiện

chiếc xe mô tô nói trên chưa được thu hồi trả lại chủ sở hữu. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa chị L yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị giá trị chiếc xe mô tô nói trên được tính thành tiền là 7.000.000 đồng. Xét yêu cầu của chị L là có căn cứ phù hợp quy định tại điều 42 của BLHS và Điều 584, 589 của BLDS nên cần được chấp nhận và buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Đồng Thị L giá trị chiếc xe mô tô nói trên được tính thành tiền là 7.000.000 đồng.

Ngoài hình phạt chính ra bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của BLHS. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có nghề nghiệp và không có tài sản riêng. Do đó không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trong vụ án này còn có Dương Đình N1, Nguyễn Văn C, Hà Trọng L và Nguyễn Văn T là những người có liên quan đến vụ án này. Tuy nhiên khi N mang xe lên nhờ Nam tìm người cầm cố hộ thì N có nói đây là xe mượn của chị gái chỉ cầm cố vài ngày rồi chuộc lại. Nên cả N1, C, L và T đều không biết chiếc xe trên là do phạm tội mà có, nên cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Bình không xử lý đối với N1, L, C và T là đúng quy định pháp luật.

Đối với người đàn ông khoảng 40 tuổi mặc áo có chữ khu công nghiệp Y là người đến mua xe của T, quá trình điều tra T khai không quen biết người này nên chưa có căn cứ để xử lý. Cơ quan CSĐT tiếp tục điều tra khi nào làm rõ sẽ xử lý sau;

Xét đề nghị của đại diện VKS trong lời luận tội đối với bị cáo về: Tội danh, điều luật áp dụng mức hình phạt chính, trách nhiệm bồi thường thiệt hại là có căn cứ phù hợp với các quy định của Pháp luật cần được chấp nhận.

Cần áp dụng Điều 228 của BLTTHS ra quyết định tạm giam bị cáo với thời hạn 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu một khoản án phí Hình sự sơ thẩm và Dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 99 của BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong hạn Luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Dương Quang N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Dương Quang N 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07 tháng 6 năm 2017.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự.

2. Áp dụng Điều 228 của BLTTHS: Ra quyết định tạm giam bị cáo Dương Quang N với thời hạn **45** ngày, kể từ ngày tuyên án (22/9/2017).

3. **Việc bồi thường thiệt hại:** Áp dụng Điều 42 của BLHS và các Điều 584, 589 của BLDS, buộc bị cáo Dương Quang N phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Đồng Thị L số tiền là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. **Về án phí hình sự sơ thẩm:** Áp dụng Điều 99 của BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Dương Quang N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí DSST có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo và người bị hại báo cho những người này biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì **được** thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Thái nguyên;
- VKSND, THADS huyện Phú Bình;
- Công an huyện Phú Bình;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Toàn

